

Bản án số: 223/2022/HC-PT

Ngày 13 - 9 - 2022

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 - 9 - 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 139/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 16 - 5 - 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2168/2022/QĐXX-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai; địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T; địa chỉ: tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai; địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K, chức vụ: Phó cục trưởng Cục Thuế; địa chỉ: tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích cho người bị kiện: Ông Cáp Thái A, ông Trần Văn T, ông Lê T; cùng địa chỉ: tỉnh Gia Lai; (các ông A, T và T đều có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi P; địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T; địa chỉ: tỉnh Gia Lai; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai, người đại diện theo ủy quyền: Ông K, chức vụ: Phó cục trưởng Cục Thuế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các đương sự như sau:

1. *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện người khởi kiện Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai trình bày:*

Xí nghiệp tư doanh Đ (Viết tắt XNTD Đ) do ông Bùi P làm Giám đốc, được giao đất có thu tiền sử dụng đất tại địa chỉ 117-119-121 T, Tp. P, diện tích 1.195 m² với mục đích xây dựng nhà cao tầng (Tòa nhà Đ Tower) theo Công văn số 1209/UB-CV ngày 16/6/2005 và Quyết định giao đất số 39/QĐ-UBND ngày 15/02/2006 của UBND tỉnh Gia Lai;

Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai (Viết tắt Công ty CPTĐ Đ Gia Lai) được thành lập theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 5900415863 chứng nhận lần đầu ngày 13/6/2007 với 05 cổ đông sáng lập. Ông Bùi P là cổ đông có số vốn cao nhất là 212 tỷ đồng. Ông Bùi P đã dùng toàn bộ tài sản tại XNTD Đ để góp vào Công ty, trong đó có cả tài sản là giá trị lô đất tại địa chỉ 117-119-121 T trên, được công ty kiểm toán định giá trị quyền sử dụng đất và đã được các cổ đông sáng lập nhất trí tại Biên bản chứng nhận số vốn góp cổ đông sáng lập ngày 01/7/2007, là: 51.750.651.544 đồng.

Ông Bùi P đã bàn giao lô đất và toàn bộ các hồ sơ, thủ tục của lô đất trên cho Công ty CPTĐ Đ Gia Lai quản lý, sử dụng và tiếp tục thực hiện thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì lý do: XNTD Đ được chậm nộp tiền sử dụng đất trong 05 năm, kể từ ngày 15/02/2006 theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai (Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 15/02/2006 của UBND tỉnh Gia Lai) và Thông báo số 06/TB/TSDĐ ngày 26/11/2006 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai;

Ngày 03/8/2010, Công ty CPTĐ Đ Gia Lai đã hoàn thành việc nộp thay cho XNTD Đ toàn bộ số tiền sử dụng đất Dự án Đ Tower, là 5.855.500.000 đồng. Ngày 04/10/2010, Công ty được UBND tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất 117-119-121 T, Tp. P) số BD 350817;

Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình tòa nhà Đ Gia Lai, ngày 15/3/2013, Công ty chuyển nhượng một phần tài sản trên đất cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với giá 181.300.000.000 đồng, đã kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp của nghiệp vụ chuyển nhượng tài sản này đúng theo các quy định pháp luật với giá vốn là 51.750.651.544 đồng;

Ngày 27/9/2017, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 653/TB-CT-KTT Về việc kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế; theo đó, Cục Thuế tỉnh Gia Lai yêu cầu Công ty kê khai bổ sung thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng Tòa nhà Đ Tower với giá trị đất là 5.855.500.000 đồng;

Sau nhiều lần Công ty gửi văn bản giải trình và làm việc trực tiếp với Cục Thuế tỉnh Gia Lai, ngày 17/10/2017, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 1114/QĐ-CT Về việc ấn định số thuế phải nộp. Theo đó, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ấn định số thuế phải nộp tăng thêm là 7.338.178.570 đồng và tiền chậm nộp tính đến ngày 17/10/2017 là 4.059.480.385 đồng (Tổng cộng: 11.397.658.955 đồng).

Ngày 18/10/2017, Công ty đã có Văn bản khiếu nại số 169/ĐGL-VP với nội dung: Công ty không phải là đối tượng nộp khoản chênh lệch thuế này, từ đó không đồng ý với nội dung Quyết định số 1114/QĐ-CT và đề nghị thu hồi lại Quyết định này;

Sau 03 lần đối thoại, ngày 14/02/2020, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 110/QĐ-CT Về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ Gia Lai với nội dung: Không công nhận nội dung Đơn khiếu nại số 169/ĐGL ngày 18/10/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ Gia Lai và yêu cầu Công ty chấp hành Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017.

Ngày 28/2/2020 Công ty làm việc với Đại diện Cục Thuế tỉnh Gia Lai về nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Theo đó, Đại diện Lãnh đạo Cục Thuế có ý kiến ghi nhận, cập nhật và xem xét lại toàn bộ nội dung theo Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/2/2020.

Vì không nhận được phản hồi của Cục Thuế tỉnh Gia Lai, ngày 17/3/2020, Công ty gửi Đơn khiếu nại đến Tổng Cục Thuế về các quyết định hành chính của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai. Đến nay, Công ty cũng không nhận được phản hồi của Tổng Cục Thuế.

Công ty không đồng ý với các Quyết định trên của Cục Thuế tỉnh Gia Lai, bởi lẽ như sau:

1.1- Các quyết định áp dụng không đúng hoạt động và đối tượng nộp thuế.

Các quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã không thể hiện đúng hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế và đối tượng nộp thuế theo các quy định pháp luật về quản lý thuế vì đã gán ghép 02 hoạt động: Hoạt động góp vốn của XNTD Đ tại thời điểm ngày 01/7/2007 và hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty CPTĐ Đ Gia Lai tại thời điểm tháng 3/2013. Đây là 02 hoạt động có bản chất, đối tượng nộp thuế, giá trị phát sinh và tính thuế hoàn toàn khác biệt. XNTD Đ chịu trách nhiệm về nguồn gốc đất do Nhà nước cấp; Công ty CPTĐ Đ Gia Lai chỉ chịu trách nhiệm về nguồn gốc đất từ việc góp vốn của các cổ đông. Cụ thể:

- Hoạt động góp vốn:

Theo Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, thì: *“Góp vốn là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở*

hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.”

Bản chất của hoạt động này là việc góp vốn hình thành tài sản cho doanh nghiệp mới thành lập. Giá trị của tài sản góp vốn này đã được định giá và các cổ đông sáng lập của Công ty CPTĐ Đ Gia Lai thống nhất là 51.750.651.544 đồng.

- Hoạt động kinh doanh bất động sản:

Theo Khoản 2 Điều 4 Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, thì: *“Kinh doanh bất động sản là việc bỏ vốn đầu tư tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua nhằm mục đích sinh lợi”*

Bản chất của hoạt động này là kinh doanh bất động sản. Đối tượng nộp thuế của hoạt động này là Công ty CPTĐ Đ Gia Lai. Nguồn gốc đất là do góp vốn. **Thu nhập chịu thuế từ hoạt động này là phần chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng bất động sản với giá vốn được xác định khi cổ đông góp vốn.** Thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp là thời điểm chuyển nhượng bất động sản tại tháng 3/2013 và được điều chỉnh bởi Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Việc gán ghép, vận dụng không đúng hoạt động và đối tượng nộp thuế, cố tình đánh đồng 02 chủ thể khác nhau làm một, bỏ qua việc góp vốn, từ đó xác định nguồn gốc đất và giá vốn theo giá trị tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách nhà nước (lẽ ra phải là *“giá thỏa thuận khi góp vốn”*) là mang tính cưỡng ép, không đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

1.2- Các quyết định áp dụng không đúng cơ sở thực tế.

Nội dung các quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai không căn cứ vào cơ sở thực tiễn và do vậy thiếu tính công bằng, khách quan. Khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý thuế năm 2006 quy định: *“Việc ấn định thuế phải bảo đảm khách quan, công bằng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thuế.”*. Lý do:

Qua gần 14 năm hoạt động kể từ ngày được thành lập cho đến nay và đã qua nhiều lần thanh, kiểm tra việc góp vốn, thành lập Công ty từ các cơ quan chức năng của trung ương và tỉnh Gia Lai; kết quả kiểm toán hàng năm của đơn vị kiểm toán, Công ty không nhận được bất cứ văn bản nào từ phía các cơ quan chức năng về việc không công nhận việc góp vốn này hoặc thu hồi lại lô đất 117-119-121 T, Tp. P do việc góp vốn sai quy định. Dự án Đ Tower được hình thành, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Gia Lai vẫn đang tồn tại là một thực thể khách quan;

Để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 06/TB/TSDĐ ngày 26/11/2006 của Cục Thuế tỉnh Gia Lai và để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Cho đến nay, Công ty không nhận được bất kỳ văn bản nào từ Cục Thuế tỉnh Gia Lai hoặc Chi cục thuế thành phố P về việc hoàn trả lại khoản nộp này vì việc góp vốn không đúng và Công ty CPTĐ Đ Gia Lai nộp tiền sử dụng đất là không đúng đối tượng;

Từ thực tế trên cho thấy, việc góp vốn đã diễn ra phù hợp với thực tiễn tại thời điểm phát sinh và đã được các cơ quan quản lý nhà nước công nhận. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã và đang hoạt động liên tục đến nay mà không có bất cứ văn bản nào đề nghị xem xét lại việc góp vốn của các cổ đông sáng lập vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ Gia Lai. Do vậy, các quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 và số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai đã phủ nhận toàn bộ các nội dung trước đây của ngành thuế và các cơ quan nhà nước địa phương là không phù hợp với thực tiễn.

1.3- Các quyết định áp dụng không đúng văn bản pháp luật:

Các quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 40/2010/TT-BTC ngày 23/3/2010 của Bộ Tài chính để xác định: *“Trường hợp sau khi góp vốn, doanh nghiệp lại tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tiếp tục mang quyền sử dụng đất đi góp vốn cho đơn vị khác thì doanh nghiệp nhận vốn góp phải kê khai và nộp thuế TNDN.”*. Tuy nhiên, Thông tư số 40/2010/TT-BTC ngày 23/3/2010 đã hết hiệu lực kể từ ngày 10/9/2012; do vậy hoàn toàn không phù hợp tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ chuyển nhượng bất động sản tòa nhà Đ Tower (tháng 3/2013). Ngoài ra, nội dung trên không được kế thừa tại các văn bản thay thế Thông tư số 40/2010/TT-BTC. Ngược lại, khoản 14 Điều 7 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp quy định việc tính thuế TNDN do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất góp vốn là trách nhiệm của: *“doanh nghiệp có quyền sử dụng đất đánh giá lại”* (là Xí nghiệp tư doanh Đ).

Từ các phân tích trên, cho thấy các Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 và Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai là không phù hợp với cơ sở thực tế và tính pháp lý tại mỗi thời điểm áp dụng.

Do vậy, ngày 28/4/2021, Công ty CPTĐ Đ Gia Lai làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy bỏ Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 của Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc ấn định số thuế phải nộp và Quyết định số

110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của Công ty CPTĐ Đ Gia Lai.

2. Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai do ông Ksor Kut là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về Quyết định ấn định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai:

- Về đối tượng nộp thuế TNDN liên quan đến chuyển nhượng một phần tòa nhà Đ Tower.

Tại khoản 1 Điều 2 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008 quy định:

“Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; ...”

Liên quan đến Quyết định ấn định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 nêu trên thì tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập từ chuyển nhượng một phần tòa nhà Đ Tower là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ Gia Lai. Thực tế Công ty CP Tập đoàn Đ Gia Lai đã kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng một phần tòa nhà Đ Tower nêu trên trong hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2013.

- Về căn cứ xác định số ấn định thuế TNDN phải nộp tăng thêm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2013:

Tại Điều 14 Nghị định 124/2008/NĐ-CP quy định:

“Điều 14. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trừ giá vốn của bất động sản và các khoản chi phí được trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định theo giá thực tế chuyển nhượng.

Trường hợp giá chuyển quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định thì tính theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm chuyển nhượng bất động sản.

TT	Nội dung	Số kê khai	Số tính lại theo ấn định	Chênh lệch	Ghi chú
----	----------	------------	--------------------------	------------	---------

1	Doanh thu	172.235.000.000	172.235.000.000	-	
2	Giá vốn đất chuyển nhượng	33.097.659.284	3.744.945.004	(29.352.714.280)	Án định lại giá vốn đất theo tỷ lệ đơn vị đã xác định vào chi phí
3	Chi phí cải tạo, san lấp	33.092.327.507	33.092.327.507	-	
4	Chi phí đầu tư xây dựng	84.351.660.623	84.351.660.623	-	
5	Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	21.693.352.586	51.046.066.866	29.352.714.280	
6	Thuế TNDN phải nộp	5.423.338.147	12.761.516.717	7.338.178.570	

TT	Nội dung	Số đơn vị tính	Số cơ quan thuế tính	Chênh lệch	Ghi chú
1	Tổng giá trị đất làm căn cứ tính giá vốn đất chuyển nhượng trong kỳ	51.750.651.544	5.855.500.000	45.895.151.544	
2	Giá trị đất đã xác định vào giá vốn đất chuyển nhượng trong kỳ	33.097.659.284	3.744.945.004	29.352.714.280	
3	Tỷ lệ giá trị đất đã tính vào CP chuyển nhượng bất động sản năm 2013	63,96%	63,96%		

Chi tiết tiền sử dụng đất đã tính vào giá vốn chuyển nhượng bất động sản trong kỳ

...

3. Chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ:

a) Giá vốn của đất chuyển quyền được xác định phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Đối với đất Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất thì giá vốn là số tiền sử dụng đất, số tiền cho thuê đất thực nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với đất nhận quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì căn cứ vào hợp đồng và chứng từ trả tiền hợp pháp khi nhận quyền sử dụng đất, quyền thuê đất; trường hợp không có hợp đồng và chứng từ trả tiền hợp pháp thì giá vốn được tính theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm doanh nghiệp nhận chuyển nhượng bất động sản;

- Đối với đất nhận góp vốn thì giá vốn là giá thỏa thuận khi góp vốn;”

Khoản 1 Điều 14 Nghị định 124/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ như sau:

“10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định theo giá thực tế chuyển nhượng bất động sản theo hợp đồng mua, bán bất động sản phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp giá chuyển quyền sử dụng đất theo hợp đồng mua, bán bất động sản thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng thì tính theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.”

Căn cứ quy định trên, căn cứ tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2013 và hồ sơ thực tế do Công ty CPTĐ Đ Gia Lai cung cấp (tại thời điểm ấn định) Cục Thuế tỉnh Gia Lai xác định lại chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ đối với giá vốn của đất chuyển nhượng (liên quan đến chuyển nhượng tòa nhà Đ Tower) theo trường hợp nguồn gốc đất là **đất Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất** thì giá vốn là số tiền sử dụng đất thực nộp ngân sách nhà nước.

Chi tiết xác định số thuế TNDN tăng thêm:

- Về xác định số tiền chậm nộp trên quyết định ấn định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017.

Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2016 tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật số 78/2006/QH11 và Luật số 21/2012/QH13, Từ ngày 01/07/2016 tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật số 106/2016/QH13 và Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính số 10315/BTC-TCT ngày 25/07/2016.

Tiền chậm nộp được tính từ ngày 01/04/2014 (là ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế TNDN năm 2013) đến ngày ban hành quyết định ấn định: 17/10/2017. Chi tiết xác định tiền chậm nộp:

Loại thuế, kỳ kê khai	Số thuế thiếu	Số ngày chậm nộp					Số tiền nộp chậm
		Từ ngày	Đến ngày 30/6/16	Số ngày tính chậm nộp đến 30/6/16	Đến ngày	Số ngày tính chậm nộp từ 01/7/16	
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản (QT thuế năm 2013)	7.338.178.571	01/04/2014	30/06/2016	822	17/10/2017	474	4.059.480.385
							4.059.480.385

Từ 01/04/2014 đến 30/06/2016 tính 0,05%/ ngày

Từ 01/07/2016 đến 17/10/2017 tính 0,03%/ ngày

- Về Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/2/2020 giải quyết khiếu nại đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ Gia Lai (**lần đầu**).

Ngày 18/10/2017 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ có công văn khiếu nại quyết định hành chính về thuế gửi Cục Thuế tỉnh Gia Lai;

Qua thu thập thông tin, xác minh, đối thoại, Công ty CP Tập đoàn Đ Gia Lai không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh việc góp vốn lô đất 117-119-121 T, thành phố P là đúng quy định của pháp luật.

Theo đó, Cục Thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định 110/QĐ-CT ngày 14/2/2020 Về việc giải quyết khiếu nại đối với Công ty CPTĐ Đ Gia Lai (lần đầu) với kết luận nội dung khiếu nại của Công ty CPTĐ Đ Gia Lai là sai toàn bộ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi P trình bày:

XNTD Đ được thành lập hợp pháp vào ngày 21/9/1999 do ông Bùi P làm chủ doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của Xí nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005.

Năm 2006, thực hiện chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai đã giao cho XNTD Đ lô đất 117,119, 121 đường T, phường Diên Hồng, thành phố P theo quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 15/2/2006 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thu hồi đất của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố P để giao đất có thu tiền sử dụng đất cho XNTD Đ xây dựng nhà ở cao tầng Duclong Tower

Năm 2007, Ông đã sử dụng toàn bộ tài sản của XNTD Đ để góp vốn thành lập Công ty CPTĐ Đ Gia Lai, trong đó có phần tài sản là lô đất nêu trên. Tại thời điểm góp vốn, giá trị quyền sử dụng lô đất trên được định giá bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là 51.750.651.544 đồng và được sự thống nhất của tất cả các cổ đông sáng lập theo Biên bản chứng nhận số vốn góp ngày 01/7/2007 và Biên bản họp số 02/BB-ĐGL ngày 06/01/2008 bàn việc góp vốn của ông đối với lô đất tại địa chỉ 117-119-121 T. Tại cuộc họp này ông đã giao lại cho Công ty CPTĐ Đ Gia Lai lô đất và hồ sơ giấy tờ lô đất để tiếp tục lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì XNTD Đ được chậm nộp tiền sử dụng đất trong thời gian 05 năm kể từ ngày 15/2/2006 (theo Thông báo số 06/TB/TSDĐ của Cục thuế tỉnh Gia Lai)

Ngày 31/3/2010, XNTD Đ chính thức giải thể, chấm dứt hoạt động. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CPTĐ Đ Gia Lai đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 37 Luật quản lý thuế, Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục thuế, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày

25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ, Luật Khiếu nại.

Áp dụng khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Điều 50, Điều 105 và Điều 110 Luật đất đai 2003. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai.

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 của Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc ấn định số thuế phải nộp và Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đ Gia Lai.

Buộc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm

[3] Kháng cáo:

Ngày 27-5-2022 Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Lý do kháng cáo là căn cứ Điều 14 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11-12-2008, xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng (giá thực tế chuyển nhượng) trừ giá vốn của bất động sản và các khoản chi phí liên quan. Giá vốn ở đây căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai ghi nguồn gốc đất là Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất nên giá vốn là số tiền sử dụng đất thực nộp ngân sách nhà nước. Cục Thuế chỉ xác định nguồn gốc theo Giấy chứng nhận QSD đất, không thể xác định nguồn gốc theo các giấy tờ khác ngoài Giấy chứng nhận QSD đất. Về đối tượng chịu thuế được xác định đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11-12-2008 và khoản 1 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo; do khi góp vốn thì Xí nghiệp tư doanh Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc góp vốn này là chưa đủ điều kiện để góp vốn. Nay trên Giấy chứng nhận QSD đất của Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai ghi rõ nguồn gốc đất là Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, nên xác định giá vốn được khấu trừ trong trường hợp này là tiền sử dụng đất thực nộp ngân sách nhà nước, số tiền là 5.855.500.000 đồng, nên Công ty Đ Gia Lai phải nộp bổ sung thuế theo Quyết định 1114. Đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện người khởi kiện trình bày ý kiến Công ty Đ Gia Lai không được nhà nước giao đất, mà các thửa đất 117-119-121 T là do ông Bùi P góp vốn, khi góp vốn đã được Công ty kiểm toán định giá trị và được các Cổ đông sáng lập nhất trí với giá trị là 51.750.651.544 đồng; như vậy đối với đất nhận góp vốn thì giá vốn là giá thỏa thuận khi góp vốn. Việc thỏa thuận góp vốn này đã hoàn thành, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty cổ phần; không có cơ quan có thẩm quyền nào hủy bỏ thỏa thuận góp vốn này cả. Khi Công ty cổ phần Đ Gia Lai xây dựng xong công trình tòa nhà Đ Gia Lai thì đã chuyển nhượng một phần công trình tài sản trên đất cho Ngân hàng với giá 181.300.000.000 đồng; đã thực hiện kê khai và đóng đầy đủ nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo đúng quy định xong vào năm 2013, không cơ quan nào có ý kiến gì. Đến năm 2017 thì Cục thuế tỉnh lại yêu cầu nộp bổ sung thuế là không nhất quán trước sau, không hợp lý. Ông Bùi P hiện nay chỉ giữ khoản 25% giá trị Cổ phần của Công ty cổ phần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về kháng cáo: Căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai ghi rõ nguồn gốc đất là Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, nên giá vốn để khấu trừ trong trường hợp này là tiền sử dụng đất thực nộp ngân sách nhà nước. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc ấn định số thuế phải nộp khi chuyển nhượng một phần Tòa nhà Đ Tower gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 18 tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ 117-119-121 T, thành phố P và Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai.

[2] Xem xét nguồn gốc hình thành và quá trình sử dụng của các Chủ sử dụng thửa đất:

Xí nghiệp tư doanh Đ được thành lập vào ngày 21/9/1999, tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 15/02/2006 của UBND tỉnh Gia Lai đã giao đất có thu tiền sử

dụng đất cho XNTD Đ xây dựng khu nhà ở cao tầng DucLong Tower tại địa chỉ 117-119-121 T, thành phố P. Theo Thông báo số 346/CT-THDT ngày 06/6/2006 và Thông báo số 06/TB/TSDĐ ngày 26/11/2006 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai, thì XNTD Đ được chậm nộp tiền sử dụng đất là 05 năm (*Từ ngày 15/02/2006 đến ngày 15/02/2011*). Năm 2007, ông Bùi P là Chủ XNTD Đ đã dùng toàn bộ tài sản của XNTD Đ trong đó có QSD đất mà Quyết định số 39/QĐ-UBND đã giao cho XNTD Đ để góp vốn vào Công ty CPTĐ Đ Gia Lai. Quá trình góp vốn đã hoàn thành, Công ty cổ phần Đ Gia Lai đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại khu đất nêu trên vào ngày 04-10-2010. Tại thời điểm góp vốn giá trị QSD đất nêu trên được định giá trị là 51.750.651.544 đồng (*Bl 347*).

Sau khi xây dựng Tòa nhà cao tầng theo đúng dự án thiết kế đã được phê duyệt và đưa vào hoạt động, đến ngày 15/3/2013 Công ty CPTĐ Đ Gia Lai đã bán 01 phần công trình xây dựng trên đất (Tòa nhà 20 tầng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) với tổng số tiền 181.300.000.000 đồng. Trên cơ sở Văn bản số 3569/UBND-CNXD ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Gia Lai và Công văn số 1385/STNMT-ĐKTK ngày 03/9/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai thì ngày 13/02/2015 Công ty CPTĐ Đ Gia Lai đã kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động bất động sản với số tiền 5.423.338.147 đồng theo đúng quy định lúc bấy giờ. Đến ngày 31/12/2015 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận QSD đất và quyền sở nhà và tài sản gắn liền với đất số CD 8268773 của nhà đất nhận chuyển nhượng. Như vậy, Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng QSD đất giữa Công ty cổ phần tập đoàn Đ và Ngân hàng BIDV được thực hiện từ năm 2013 và đã hoàn thành trong năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 27/9/2017 thì Cục thuế tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 653/TB-CT-KTT về việc kê khai bổ sung thuế để tính lại thuế; đến ngày 18/10/2017 Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 1114/QĐ-CT về việc ấn định số thuế phải nộp tăng thêm (từ truy thu lại) là 7.388.178.570 đồng và tiền chậm nộp do cho Công ty CPTĐ Đ Gia Lai chuyển nhượng một phần Tòa nhà Đ Tower cho Ngân hàng thương mại BIDV với số tiền 4.059.480.385 đồng. Sau khi có đơn khiếu nại thì Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 về việc giải quyết khiếu nại.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai căn cứ vào Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà và tài sản gắn liền với đất mà UBND tỉnh Gia Lai cấp cho Công ty CPTĐ Đ Gia Lai tại mục (g) ghi: “*Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu*

tiền sử dụng đất” và cho rằng khi góp vốn thì Xí nghiệp tư doanh Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc góp vốn là không đúng, nên xác định: “*giá vốn của đất chuyển quyền là đất do nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất là 5.855.500.000 đồng*” để ban hành Thông báo khai bổ sung hồ sơ khai thuế số 653 và Quyết định số 1114 ấn định số tiền thuế phải nộp đối với Công ty CPTĐ Đ Gia Lai.

Tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 15/02/2006 của UBND tỉnh Gia Lai giao đất tại địa chỉ 117-119-121 T có thu tiền sử dụng đất cho XNTĐ Đ xây dựng nhà ở cao tầng DucLong Tower. Như vậy, nguồn gốc ban đầu của thửa đất là được nhà nước quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất. Năm 2007, ông Bùi P là Chủ xí nghiệp đã dùng toàn bộ tài sản tại XNTĐ Đ để góp vốn vào thành lập Công ty CPTĐ Đ Gia Lai, trong đó có cả tài sản là giá trị quyền sử dụng lô đất tại địa chỉ 117-119-121 T nêu trên, được Công ty kiểm toán định giá trị quyền sử dụng đất và đã được các Cổ đông sáng lập nhất trí tại các Biên bản chứng nhận số vốn góp cổ đông sáng lập (*bút lục 334-353*). Như vậy, Công ty Cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai nhận vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng các lô đất 117-119-212 đường T là sự việc có thật.

Đến năm 2010 thì Doanh nghiệp nhận góp vốn là Công ty Cổ phần Đ Gia Lai đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất góp vốn. Như vậy, ông Bùi P và Xí nghiệp tư doanh Đ đã hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất của mình tại các lô 117-119-212 đường T cho Công ty Cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai; hoạt động góp vốn đã được hoàn thành; nguồn gốc ghi trên Giấy chứng nhận là nguồn gốc ban đầu của thửa đất. Hiện nay, việc góp vốn không có tranh chấp, không có cơ quan có thẩm quyền nào hủy bỏ, Công ty CPTĐ Đ Gia Lai đang hoạt động bình thường, Giấy chứng nhận QSD đất của Doanh nghiệp nhận góp vốn đang có hiệu lực.

Việc góp vốn bằng “*giá trị quyền sử dụng đất*” cũng đã được các Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Gia Lai thừa nhận: tại Văn bản số 947/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 11/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai (*bút lục 440*) và Văn bản số 4336/STNMT-QHĐĐ ngày 15/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai đều xác định: “...ông Bùi P – Chủ Xí nghiệp tư doanh Đ đưa toàn bộ tài sản của Xí nghiệp tư doanh Đ góp vốn vào Công ty cổ phần tập đoàn Đ, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất lô đất 117-119-212 đường T”. Đồng thời xác định căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho Công ty cổ phần Đ Gia Lai là theo khoản 4 Điều 49 Luật đất đai 2003. Như vậy, quyền sử dụng đất tại địa chỉ 117-119-121 T mà Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai có được không phải do nhà nước giao đất mà do nhận góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11-12-2008 quy định:

“Điều 14. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định bằng doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trừ giá vốn của bất động sản và các khoản chi phí được trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

.....
3. Chi phí chuyển nhượng bất động sản được trừ:

a) Giá vốn của đất chuyển quyền được xác định phù hợp với nguồn gốc quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Đối với đất Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất thì giá vốn là số tiền sử dụng đất, số tiền cho thuê đất thực nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với đất nhận quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì căn cứ vào hợp đồng và chứng từ trả tiền hợp pháp khi nhận quyền sử dụng đất, quyền thuê đất; trường hợp không có hợp đồng và chứng từ trả tiền hợp pháp thì giá vốn được tính theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm doanh nghiệp nhận chuyển nhượng bất động sản;

- Đối với đất nhận góp vốn thì giá vốn là giá thỏa thuận khi góp vốn;”

Trong 03 trường hợp nêu trên thì do Công ty cổ phần tập đoàn Đ Gia Lai đã chuyển nhượng nhà đất có nguồn gốc từ góp vốn nên áp dụng trường hợp “đất nhận góp vốn thì giá vốn là giá thỏa thuận khi góp vốn”.

Tại điểm b.2 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27-7-2012 của Bộ Tài chính quy định giá vốn được khấu trừ: *“Đối với đất có nguồn gốc do góp vốn thì giá vốn là giá trị quyền sử dụng đất, quyền thuê đất theo biên bản định giá tài sản khi góp vốn”*

Từ những căn cứ trên, xét thấy Quyết định số 1114/QĐ-CT ngày 17/10/2017 và Quyết định số 110/QĐ-CT ngày 14/02/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Gia Lai xác định giá vốn để khấu trừ trong trường hợp này để tính bổ sung thuế *“Đối với đất Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, thì giá vốn là số tiền sử dụng đất thực nộp ngân sách nhà nước”* là chưa phù hợp với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của Chủ sử dụng đất tại thời điểm chuyển nhượng tài sản (năm 2013).

[4] Bản án sơ thẩm đã xác định đúng các tình tiết về vụ án, đã đánh giá xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ, để quyết định hủy các Quyết định hành chính bị khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 16-5-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục thuế tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0000129 ngày 08-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long